

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUANG MINH BAY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUANG MINH BAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG MINH BAY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG MINH BAY GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109518463

**3. Ngày thành lập:** 02/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 43 Khu tập thể Công an Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912861125

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                      | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                          | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                           | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                               | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                    | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                     | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                      | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                               | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                        | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                  | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                             | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                 | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng) | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                  | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                  | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                         | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                         | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                    | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6619        |
| 21. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6810        |
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6820(Chính) |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công;<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>- Thiết kế kết cấu công trình ;<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình ;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước;<br>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>- Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp, nước thải, khí thải<br>- Thiết kế phòng cháy – chữa cháy<br>- Khảo sát địa chất thủy văn công trình<br>- Khảo sát địa hình công trình<br>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ;<br>- Kiểm định xây dựng ;<br>- Định giá xây dựng;<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;<br>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, | 7110        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI NGỌC GIANG | Số 25 phố Bảo Linh, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    | 024078000120                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM VĂN HOAN  | T1,K6, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 100290222                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN TIẾN | Số 9B ngõ Hòa Bình 3, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 | 001072013682 |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 |              |
| 4 | PHẠM VĂN ĐÀO    | T1,K6, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 400.000 | 4.000.000.000 | 20,000 | 100770807    |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Tổng số                   | 400.000 | 4.000.000.000 | 20,000 |              |
| 5 | PHẠM QUỐC VIỆT  | Tổ 1, Phường Ba Hàng, Thị xã Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 400.000 | 4.000.000.000 | 20,000 | 090135778    |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                       | Tổng số                   | 400.000 | 4.000.000.000 | 20,000 |              |

|   |              |                                                                                             |                           |         |               |        |              |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 6 | ĐỖ XUÂN TIẾN | 402 Nhà 4B Tt ngân hàng TW, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 | 033063002841 |
|   |              |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                             | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 |              |
|   |              |                                                                                             |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI NGỌC GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024078000120

Ngày cấp: 18/11/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25 phố Bảo Linh, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25 phố Bảo Linh, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội